

Bản án số: **42/2024/DS-ST**

Ngày 31-7-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **08/2024/TLST-DS** ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2024/QĐST-DS ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B);

Địa chỉ trụ sở: T, Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 và Quyết định ủy quyền số 255/QĐ-BIDV.SHA ngày 05/3/2024; Quyết định ủy quyền số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024; Quyết định ủy quyền số 960/QĐ-BIDV ngày 08/7/2024): Bà **Nguyễn Thị Kim O**, chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro (có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Đ –Chi nhánh S; số A L, quận H, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Lê Nguyễn Quang V, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: H B, tổ D, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay, tôi đại diện cho Ngân hàng TMCP Đ tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại đơn khởi kiện và Bản tự khai có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ quy định pháp luật, anh Lê Nguyễn Quang V và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là B) đã ký kết Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng:

Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/07/2020 (sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng**”) về việc cấp hạn mức tín dụng thẻ cho anh Lê Nguyễn Quang V với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng : 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)
- Mục đích vay : Phục vụ nhu cầu đời sống của cá nhân và gia đình
- Ngày vay : 01/07/2020
- Thời hạn duy trì hạn mức thẻ: Kể từ ngày 01/07/2020 đến khi chấm dứt sử dụng thẻ
- Ngày trả nợ cuối cùng: 07/06/2021
- Mức lãi suất: 18%/năm
- Kỳ sao kê thẻ: Ngày 20 hàng tháng; hạn thanh toán là 15 ngày sau, kể từ ngày sao kê thẻ.
- Phí thường niên: 200.000 đồng/năm, áp dụng đối với loại thẻ Visa Flexi.
- Phí phạt chậm thanh toán: Được tính theo 4% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 100.000 đồng
- Phí rút tiền mặt: Được tính theo 3% số tiền rút tại ATM/POS, tối thiểu 50.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%)
- Ngày đóng thẻ: 31/08/2020
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 06/07/2021
- Thời gian ngừng tính phí phạt chậm: 20/12/2021

Theo nội dung Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S đã cấp hạn mức tín dụng thẻ cho anh Lê Nguyễn Quang V với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Hồ sơ Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được giao kết hợp pháp về chủ thể, hình thức văn bản, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng được các bên tự nguyện thực hiện.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh Lê Nguyễn Quang V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: **53.226.373 đồng**; trong quá trình sử dụng thẻ, anh V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: **27.716.137 đồng** (bao gồm dư nợ

gốc đã thanh toán: **19.620.048 đồng** và phí, lãi đã thanh toán: **8.096.089 đồng**). Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 8 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc và liên hệ, anh Lê Nguyễn Quang V không có thiện chí trả nợ. Do anh Lê Nguyễn Quang V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Điều 8 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và toàn bộ dư nợ của anh Lê Nguyễn Quang V còn thiếu đến thời điểm hiện tại với số tiền: **33.606.325 đồng** sang nợ quá hạn (gọi là Dư nợ gốc). Tổng dư nợ của anh Lê Nguyễn Quang V tạm tính đến hết ngày 31/7/2024: là **58.031.001 đồng**, trong đó:

- **Dư nợ gốc: 33.606.325 đồng**, cụ thể:

- + Doanh số dư nợ thực hiện: 53.226.373 đồng
- + Số dư nợ đã thanh toán các kỳ: 19.620.048 đồng
- + Dư nợ gốc còn phải thanh toán: 33.606.325 đồng

- **Lãi và phí: 24.424.676 đồng**, cụ thể:

+ Phí và lãi phải trả: 32.520.765 đồng. Trong đó:

Phí thường niên, phí phạt chậm thanh toán, phí rút tiền mặt: 6.994.834 đồng

Lãi phải trả: 25.525.931 đồng

+ Phí và lãi đã thanh toán: 8.096.089 đồng

+ Phí và lãi còn phải trả: 24.424.676 đồng

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện đối với anh Lê Nguyễn Quang V và yêu cầu Tòa án: Buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền còn nợ gốc, nợ lãi, phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 30/10/2023 là **53.456.858 đồng** (Năm mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là **33.606.325 đồng**, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 30/10/2023 là **19.850.533 đồng**; Buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán tiếp cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/10/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, anh Lê Nguyễn Quang V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi, phí phát sinh của mình đối với Chi nhánh B theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Kể từ thời điểm anh Lê Nguyễn Quang V phát sinh dư nợ xấu, B đã tạo điều kiện để khách hàng trả nợ và nhiều lần yêu cầu anh Lê Nguyễn Quang V thực hiện nghĩa vụ theo đúng cam kết tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tuy nhiên đến nay, anh Lê Nguyễn Quang V vẫn không thanh toán đầy đủ cho B.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP Đ tôi điều chỉnh lại số tiền nợ gốc, lãi và phí yêu cầu anh Lê Nguyễn Quang V phải trả cho Ngân hàng tính

đến ngày xét xử 31/7/2024 và đề nghị Tòa án:

1. Buộc anh Lê Nguyễn Quang V trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và các khoản phí... tính đến hết ngày 31/7/2024 là **58.031.001 đồng** , trong đó: Nợ gốc: **33.606.325 đồng**; Nợ lãi và phí tính đến ngày 31/7/2024: **24.424.676 đồng**.

2. Anh Lê Nguyễn Quang V có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

**Bị đơn anh Lê Nguyễn Quang V đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để anh V trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Lê Nguyễn Quang V.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Nguyễn Quang V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Lê Nguyễn Quang V.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với anh Lê Nguyễn Quang V. Buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 31/7/2024 tổng cộng là **58.031.001 đồng** , trong đó: Nợ gốc: **33.606.325 đồng**; Nợ lãi và phí tính đến ngày 31/7/2024: **24.424.676 đồng**.

Kể từ ngày 01/8/2024, anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/7/2020 được ký kết giữa anh Lê Nguyễn Quang V với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh S cho đến khi anh V thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh V phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với anh Lê Nguyễn Quang V và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Nguyễn Quang V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Nguyễn Quang V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền còn nợ gốc, nợ lãi, phí phạt chậm thanh toán tính đến ngày 30/10/2023 là **53.456.858** đồng (Năm mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng). Trong đó: tiền nợ gốc là **33.606.325** đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 30/10/2023 là **19.850.533** đồng; và buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán tiếp cho Ngân hàng TMCP Đ (B) số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/10/2023 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi; các khoản phí mà Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán tính đến ngày xét xử 31/7/2024 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: **33.606.325 đồng**; Nợ lãi trong hạn và phí tính đến ngày 31/7/2024: **24.424.676 đồng**; tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn và các khoản phí tính đến ngày 31/7/2024 là **58.031.001 đồng**.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Nguyễn Quang V để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh V vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy anh V không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 01/07/2020, anh Lê Nguyễn Quang V và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S đã ký kết Giấy đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/7/2020 (gọi tắt là “**Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng**”) về việc cấp hạn mức tín dụng thẻ cho anh Lê Nguyễn Quang

V với nội dung thỏa thuận như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng : 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)
- Mục đích vay : Phục vụ nhu cầu đời sống của cá nhân và gia đình
- Ngày vay : 01/07/2020
- Thời hạn duy trì hạn mức thẻ: Kể từ ngày 01/07/2020 đến khi chấm dứt sử dụng thẻ
- Ngày trả nợ cuối cùng: 07/06/2021
- Mức lãi suất trong hạn: 18%/năm
- Mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.
- Kỳ sao kê thẻ: Ngày 20 hàng tháng; hạn thanh toán là 15 ngày sau, kể từ ngày sao kê thẻ.
- Phí thường niên: 200.000 đồng/năm, áp dụng đối với loại thẻ Visa Flexi.
- Phí phạt chậm thanh toán: Được tính theo 4% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 100.000 đồng
- Phí rút tiền mặt: Được tính theo 3% số tiền rút tại ATM/POS, tối thiểu 50.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT 10%)
- Ngày đóng thẻ: 31/08/2020
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 06/07/2021
- Thời gian ngừng tính phí phạt chậm: 20/12/2021

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh Lê Nguyễn Quang V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: **53.226.373 đồng**; trong quá trình sử dụng thẻ, anh V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: **27.716.137 đồng** (bao gồm dư nợ gốc đã thanh toán: **19.620.048 đồng** và phí, lãi đã thanh toán: **8.096.089 đồng**). Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 8 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc và liên hệ, anh Lê Nguyễn Quang V không có thiện chí trả nợ. Do anh Lê Nguyễn Quang V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Điều 8 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), nên ngày 06/07/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và toàn bộ dư nợ của anh V còn thiếu với số tiền: **33.606.325 đồng** sang nợ quá hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu anh V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 31/7/2024 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải thanh toán tính đến ngày xét xử 31/7/2024 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: **33.606.325 đồng**; Nợ lãi trong hạn và phí tính đến ngày 31/7/2024: **24.424.676**

đồng; tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn; các khoản phí tính đến ngày 31/7/2024 là 58.031.001 đồng.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 31/7/2024 là **58.031.001 đồng** (trong đó nợ gốc **33.606.325 đồng**; nợ lãi trong hạn, các khoản phí tính đến ngày 31/7/2024 là **24.424.676 đồng** gồm lãi trong hạn 19.374.843 đồng; các khoản phí 5.049.833 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 01/8/2024, anh Lê Nguyễn Quang V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/7/2020 được ký kết giữa anh Lê Nguyễn Quang V với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh S cho đến khi anh V thanh toán xong khoản nợ.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Nguyễn Quang V phải chịu là **2.901.550đ** (Hai triệu, chín trăm lẻ một ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **1.336.421đ** (Một triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm hai mươi một đồng) cho Ngân hàng TMCP H.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với anh Lê Nguyễn Quang V. Buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 31/7/2024 tổng cộng là **58.031.001 đồng**, trong đó: Nợ gốc: **33.606.325 đồng**; Nợ lãi và phí tính đến ngày 31/7/2024: **24.424.676 đồng**.

Kể từ ngày 01/8/2024, anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/7/2020 được ký kết giữa anh Lê Nguyễn Quang V với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh S cho đến khi anh V thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm anh V phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với anh Lê Nguyễn Quang V về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc anh Lê Nguyễn Quang V phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí tính đến ngày xét xử 31/7/2024 là **58.031.001** đồng (Năm mươi tám triệu, không trăm ba mươi một ngàn, không trăm lẻ một đồng). Trong đó nợ gốc là **33.606.325 đồng**; nợ lãi trong hạn, các khoản phí tính đến ngày 31/7/2024 là **24.424.676 đồng** (gồm lãi trong hạn 19.374.843 đồng; các khoản phí 5.049.833 đồng).

Kể từ ngày 01/8/2024, anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số: 01/2020/7635005/HĐPHTTD ngày 01/7/2020 được ký kết giữa anh Lê Nguyễn Quang V với Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh S cho đến khi anh V thanh toán xong khoản nợ.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Nguyễn Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **2.901.550 đồng** (Hai triệu, chín trăm lẻ một ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm **1.336.421đ** (Một triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm hai mươi một đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002849 ngày 09/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Lê Nguyễn Quang V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga